

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của nhà trường
Năm học 2025 - 2026

TT	Nội dung	Số lượng	Diện tích bình quân	So với yêu cầu tối thiểu
1	Diện tích khu đất xây dựng trường			
-	Điểm trường	02		
-	Cơ sở 1: Quán Tỉnh	2600m ²	2600m ² /118hs = 22m ²	
-	Cơ sở 2: Tỉnh Quang	4540m ²	4540m ² /218hs = 20.8 m ²	
2.	Khối phòng hành chính quản trị			
-	Phòng Hiệu trưởng	12.6m ²	12.6m ² /1 phòng	Đủ TC
-	Phòng Phó hiệu trưởng	25m ²	25m ² / phòng	Đủ TC
-	Phòng hành chính	12.6m ²	12.6m ² /phòng	Đủ TC
-	Phòng dành cho nhân viên	25m ²	25m ² / phòng	Đủ TC
-	Phòng bảo vệ	12.6 m ²	12.6m ² / phòng	Đủ TC
-	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên	42m ²	14m ² /1phòng	Đủ TC
	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên	250m ²	250m ²	Đủ TC
3.	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ			
3.1	<i>Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.</i>			
-	Phòng sinh hoạt chung (m ²)	1204m ²	86m ² / lớp 3.3m ² /trẻ	+1.8 m ²
-	Phòng ngủ (m ²)	1204m ²	86m ² / lớp 3.3m ² /trẻ	1.8 m ²
-	Phòng vệ sinh (m ²)	280 m ²	20m ² /lớp; 0.8m ² /trẻ	+0.4 m ²
-	Hiên chơi (m ²)	672m ²	48m ² /lớp; 1.9 m ² /trẻ	+1.4 m ²
3.2	Phòng giáo dục thể chất	86m ²	86m ² /phòng 3.3m ² /trẻ	+1,3m ²
3.3	Phòng giáo dục nghệ thuật	86m ²	86m ² /phòng 3.3m ² /trẻ	+1,3m ²
4.	Khối phòng tổ chức ăn			
-	Nhà bếp			
	Cơ sở 1:	150m ²	150m ² /118hs = 1.3m ² /1 trẻ	+ 1 m ² /1 trẻ
	Cơ sở 2:	90m ²	90m ² /218=0.4 m ² /1 trẻ	+ 0,1 m ² /1 trẻ

-	Kho bếp			
	Cơ sở 1:	10m ²	10m ²	
	Cơ sở 2:	15m ²	15m ²	+ 5 m ² /1 trẻ
5.	Khối phụ trợ			
-	Phòng họp	86m ²	86m ² /44người = 1.9m ² / người	+ 0.7 m ² /1 người
-	Phòng Y tế			
	Cơ sở 1:	12.6m ²	12.6m ²	+2.6 m ² /phòng
-	Cơ sở 2:	25m ²	25m ² / phòng	+13 m ² /phòng
-	Sân chơi	1500 m ²	1500 m ² /336trẻ= 4.5m ²	+1.5 m ²
-	Công, hàng rào			
6.	Hạ tầng kỹ thuật		Có	Không
-	Hệ thống cấp điện		x	
-	Hệ thống PCCC		x	
-	Hạ tầng CNTT, liên lạc		x	
-	Khu thu gom rác thải		x	
7.	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu	Số lượng	Bình quân	So với yêu cầu tối thiểu
-	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	13 bộ	1bộ/1 lớp	Đủ
-	Tổng số thiết bị điện tử - tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	13 bộ	1bộ/1lớp	Đủ
-	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác			
+	Ti vi, máy chiếu	16	1 bộ/1 lớp 1bộ/ 1 Phòng CN	Đủ
+	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	26	1 cái/1 lớp 12 cái / 02 phòng CN	Đủ
+	Máy phôtô	01	01 cái/ đơn vị	Đủ
+	Bàn ghế đúng quy cách	168 bàn, 336 ghế	1 bàn/ 2 cháu 1 ghế/ 1 cháu	Đủ
8.	Tổng số đồ chơi ngoài trời	25 loại	25 loại/ 2 khu	Đủ

Giang Biên, ngày 06 tháng 9 năm 2025



Hoàng Thị Phương